

TUẦN 1

STT	Họ tên	Chuyên môn		Phân công giảng dạy		Chức nhiệm	Chế độ	Số tiết TB/tuần	BDHSG, Nhiệm vụ khác
		CD	BH	Môn học bắt buộc					
1.	Nguyễn Thị Tươi	Văn – Sử	Ngữ văn	Văn 6A1, 9A14 + TN (SHL, DC) 9A11		9A14	TT ₃	14	Ngữ văn 9
2.	Bùi Thị Lương	Văn - GDCT	GDCT	Văn 9A23 + TN (SHL, DC) 9A31		9A34		9	GDCT, KHK
3.	Trần T.N. Thủy	Văn – Sử	Ngữ văn	Văn 7A2, 9A52		7A24		8	Lịch sử 9
4.	Vũ Thị Hào	Văn – Sử	Ngữ văn	Văn 8A34 + LSĐL (Sử) 85		8A34		13	
5.	Đinh Thị Hải Yến	Văn – Địa	Ngữ văn	Văn 6A354		6A54		8	
6.	Phạm Thị Sâm	Văn – Địa	Ngữ văn	Văn 8A124		8A24	TBTT ₂	10	
7.	Nguyễn Thị Dàn	Văn – Địa	Ngữ văn	Văn 7A564				4	
8.	Dương Thị Huyền	Văn - Sử	Ngữ văn	Văn 7A134		7A34	BCHCĐ ₁	9	
9.	Chu Thị Thủy		Ngữ văn	Văn 6A244				4	
10.	Vũ Hồng Hải	Văn – Địa	Ngữ văn	Văn 7A4, 8A52 + LSĐL (Địa) 76		7A44		14	
11.	Vũ Thị Giang	Nhạc – Sử	Ngữ văn				TP _T	0	Thư viện
12.	Nguyễn Thị Như	GDCT – Địa	Ngữ văn	LSĐL (Địa) 95		8A44	BCHCĐ ₁	9	Địa lý 9
13.	Lê T. Thu Chung	Hoà - Địa	Địa	Nghệ thuật (MT) 76				7	Mĩ thuật 9
14.	Phạm T. T. Hương	Âm nhạc	Âm nhạc	Nghệ thuật (AN) 65				5	Âm nhạc 9
15.	Phạm Thị H. Thu	Anh	Anh	Anh 9A234 + Anh 8A244 + Anh 7A12				10	
16.	Bùi Minh Hoan	Anh	Anh	Anh 7A564 + Anh 6A1456			TP ₁	11	
17.	Nguyễn T. T. Hằng	Anh	Anh	Anh 9A1456 + Anh 8A132		8A14		12	Tiếng Anh 9
18.	Nguyễn T. H. Minh	Tin	Anh	Anh 7A2346 + Tin 910			TKHD ₂	18	PT phần mềm
19.	Nguyễn T. T. Trang		Anh	Anh 6A234 + Anh 8A52				6	T. trưởng
Tổng				121		40	10	171	

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
MINH ĐỨC
Bùi Thị Hồng

Minh Đức, ngày 31 tháng 8 năm 2024
TỔ TRƯỞNG
Nguyễn Thị Tươi

TRƯỜNG THCS MINH ĐỨC
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 -2025

Tuần 01 (2 buổi học- 6/9 và 7/9)

STT	Họ tên	Chuyên môn		Phân công giảng dạy Môn học bắt buộc	Chức nhiệm	Chế độ	Số tiết TB/ tuần	BDHSG, Nhiệm vụ khác
		CD	DH					
1.	Bùi Thị Hồng	Toán	Toán	Toán 7A2 ₀		Hiệu trưởng	0	
2.	Nguyễn Quang Quý	Toán Lí	Toán	TNHN(CD) 7A245 ₆		Phó HT	0	
3.	Trịnh Thị Thu Huyền	Toán Lí	Toán	Toán 6A1 ₂ , 9A3 ₂ + KHTN 9A15 ₂	6A1 ₄		10	Toán 6, KHTN 9
4.	Lại Thị Lan	Toán Lí Tin	CNTT	Toán 6A23 ₄ + KHTN 7A25 ₂	6A2 ₄	BCHCD ₁	11	
5.	Tạ Hưng Hà	Toán Tin	Toán	Toán 6A45 ₄ + Công nghệ 6 ₅	6A4 ₄	Con nhòs	12	
6.	Bùi Thu Huyền		Toán Hoá	Toán 8A4 ₂ + KHTN 8A23 ₄		Con nhòs	8	
7.	Trần Thị Việt Hà	Toán Lí	Toán	Toán 7A13 ₄ + KHTN 9A4 ₁	7A1 ₄	PCTCD ₃	12	Toán 7
8.	Nguyễn Thị Ngọc Quý		Toán Tin	Toán 7A46 ₄ + Tin 8 ₅	7A6 ₄	PT PC ₃	16	Phổ cập
9.	Đỗ Thu Hiền	Hoá Srt, Toán	CNSinh	Toán 7A5 ₂ ; 7A2 ₂ + KHTN 8A15 ₂	7A5 ₄	CTCED ₃	13	KHTN 9
10.	Bùi Văn Tứ	Toán Hoá Sinh	CNTT	Toán 8A1 ₂ , 9A2 ₂ + TNHN (SHDC) 9A2 ₁ + Tin 6 ₀	9A2 ₄	Tổ trưởng ₃	12	Toán 8, Toán TA 8
11.	Mai Hùng Cường	Toán Lí	Toán	Toán 8A2 ₂ , 9A5 ₂ + KHTN 9A23 ₂ + TNHN (SHDC) 9A5 ₁	9A5 ₄		11	Tin LT9
12.	Vũ Thị Thuý	Toán Hoá Tin	Toán	Toán 8A35 ₄ + KHTN 7A16 ₂	8A5 ₄		10	
13.	Lại Thị Hương	Toán TD	Toán	Toán 9A14 ₄ + GDTC9 ₃ + TNHN (SHDC) 9A4 ₁	9A4 ₄		14	Toán 9
14.	Đinh Thị Phúc	Hóa Sinh	Hóa	KHTN 6A145 ₃ + KHTN 7A34 ₂			5	KHTN 9
15.	Đặng Thị Liên	TD Sinh	GDTC	GDTC6 ₃ + KHTN 6A23 ₂	6A3 ₄		11	TD
16.	Phạm Văn Sơn	CBTB (T. cấp)	SPKTCN	Công nghệ 9 ₀ + 8 ₀ + 7 ₆		Phụ tá TN ₃	9	Công nghệ 9
17.	Trần Văn Mạnh	TD	GDTC	GDTC 7 ₀ + GDTC 8 ₃		PT ₂	7	TD
Tổng				93	44	24	161	

Minh Đức, ngày 31 tháng 8 năm 2024
TỔ TRƯỞNG



Bùi Thị Hồng

Bùi Văn Tứ